

Thứ hai, ngày 28 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Điều chỉnh cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 29/10/2019			•
Tuần 28/10-1/11/2019			•
Tháng 10/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Giao dịch tích cực trong phiên sáng nhờ đà tăng tốt của một số mã bluechips như SAB, BID, GAS, VNM, CTG, VN-Index có lúc đã chạm lên ngưỡng 999 điểm. Tuy nhiên, trong phiên chiều, cung bán gây áp lực lên các mã VCB, VNM, NVL, HVN, MBB đã khiến cho chỉ số quay đầu giảm điểm nhẹ. Thị trường có phiên điều chỉnh trong bối cảnh hầu hết các TTCK chủ lực trong khu vực có mức tăng tích cực. Thanh khoản khớp lệnh nhìn chung vẫn duy trì ở mức tương tự so với phiên trước. Điểm sáng trong phiên hôm nay chủ yếu đến từ việc khối ngoại đã quay lại mua ròng trên cả ba sàn. **Nhìn chung, diễn biến giằng co trong vùng giá 985 -1,000 điểm vẫn sẽ là vận động chủ đạo của VN-Index trong những phiên tới, đặc biệt khi mùa báo cáo KQKD quý III sắp đến hồi kết và thị trường tiếp tục tìm kiếm động lực tăng điểm mới.**

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F1912, các hợp đồng tương lai đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 915 điểm cho các hợp đồng trung hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 28/10/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ. FPT vận động tăng tích cực trong những phiên gần đây sau giai đoạn tích lũy quanh mức 57. Thanh khoản tăng đồng thuận với tín hiệu tăng ngắn hạn bởi các chỉ báo động lượng. Vận động tăng của FPT có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Vật liệu Xây dựng_0.5%. 8/17 danh mục Chủ đề có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó cả 8 danh mục có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (0.0%). Đặc biệt, danh mục **Vật liệu Xây dựng** - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.5%**.

Phân tích kỹ thuật: FCN_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **-0.09 điểm**, đóng cửa 996.48. HNX-Index **+0.33 điểm**, đóng cửa 105.04.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+0.50); BID (+0.41); HPG (+0.33); SAB (+0.29); GAS (+0.23)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.65); VNM (-0.36); NVL (-0.35); HVN (-0.20); VJC (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,792 tỷ đồng**, **+0.5%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.62 điểm. Thị trường có 159 mã tăng, 61 mã tham chiếu và 161 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **15.16 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm ROS (23.87 tỷ), PTB (23.06 tỷ) và HPG (18.98 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **11.12 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

996.48

Giá trị: 2792.13 tỷ

-0.09 (-0.01%)

Khối ngoại (ròng): 15.16 tỷ

HNX-INDEX

105.04

Giá trị: 235.17 tỷ

0.33 (0.32%)

Khối ngoại (ròng): 11.12 tỷ

UPCOM-INDEX

56.40

Giá trị: 164.6 tỷ

-0.11 (-0.19%)

Khối ngoại(ròng): 6.29 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.4	-0.48%
Giá vàng	1,507	0.15%
Tỷ giá USD/VND	23,202	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,704	-0.22%
Tỷ giá JPY/VND	21,346	-0.03%
LS liên NH 1 tháng	2.8%	14.11%
LS TPCP 5 năm	2.7%	1.24%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
ROS	23.9	VHM	44.6
PTB	26.1	MSN	15.3
HPG	19.0	VIC	13.5
VJC	11.9	NVL	12.2
VHC	11.2	STB	7.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **8/17 danh mục** Chủ đề có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó cả 8 danh mục có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (0.0%). Đặc biệt, danh mục **Vật liệu Xây dựng** - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.5%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **11/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **2/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Vật liệu Xây dựng_0.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Vật liệu Xây dựng	0.5%	2.1%	4.9%	7.7%	5.0%	10.6%	7.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.4%	0.7%	-0.7%	-2.6%	-1.6%	16.5%	46.4%
Dầu khí	0.2%	1.2%	-1.7%	-5.4%	-6.9%	-2.9%	11.1%
BDS & Khu công nghiệp	0.1%	1.0%	-1.0%	3.1%	2.8%	6.1%	59.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.1%	1.2%	-2.4%	-4.6%	-8.8%	-10.1%	40.4%
Nước & Năng lượng	0.1%	0.4%	-3.4%	0.4%	-2.9%	11.8%	51.0%
Lãi suất giảm	0.0%	0.5%	-0.3%	3.2%	1.7%	3.9%	50.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.0%	0.9%	-1.2%	0.3%	-0.9%	8.5%	76.4%
Ngân hàng	-0.1%	1.9%	2.2%	11.3%	13.0%	12.5%	82.5%
Xây dựng	-0.1%	-1.6%	-6.5%	-0.5%	-7.8%	-10.3%	22.6%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.1%	0.3%	2.0%	3.3%	-2.8%	-0.5%	-3.2%
Hàng tiêu dùng	-0.1%	0.8%	-0.7%	6.5%	8.4%	14.6%	62.5%
Chiến tranh thương mại	-0.1%	0.3%	-0.4%	-1.7%	-2.6%	-0.5%	7.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.2%	1.3%	-0.8%	9.5%	11.3%	17.1%	93.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.2%	1.8%	-0.5%	13.0%	15.8%	15.3%	82.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.3%	1.8%	-0.7%	7.5%	8.7%	9.9%	72.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.3%	1.3%	1.8%	7.7%	7.3%	3.8%	41.2%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 5	0.4%	2.2%	1.3%	6.0%	4.5%	6.0%	79.2%
Danh mục 12	0.4%	1.3%	-1.4%	7.2%	9.0%	15.9%	109.5%
Danh mục 9	0.3%	1.7%	-0.4%	7.0%	8.6%	14.5%	57.9%
Danh mục 4	-0.3%	0.8%	-0.8%	4.5%	5.6%	-1.7%	22.1%
Danh mục 15	-0.3%	1.0%	1.1%	7.7%	8.7%	12.8%	80.3%

* Note
11/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 22	0.1%	2.1%	-1.2%	12.1%	17.0%	19.0%	80.1%
Danh mục 21	0.1%	1.8%	-0.3%	6.6%	7.5%	7.9%	45.1%
Danh mục 20	0.0%	0.5%	1.9%	2.2%	5.0%	14.1%	23.5%
Danh mục 24	-0.3%	2.4%	0.3%	7.0%	12.1%	15.4%	71.5%
Danh mục 25	-0.5%	1.5%	-1.8%	2.4%	9.8%	28.7%	159.6%

* Note
2/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

INDEX							
VNINDEX	0.0%	1.3%	-0.1%	1.1%	1.8%	6.0%	46.3%
VN30INDEX	-0.1%	1.3%	0.1%	5.5%	3.6%	2.0%	42.4%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

BSC RESEARCH

10/28/2019

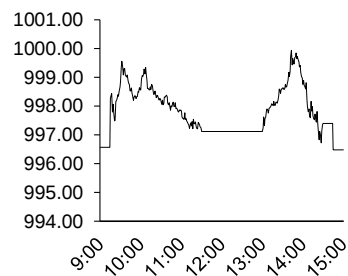
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

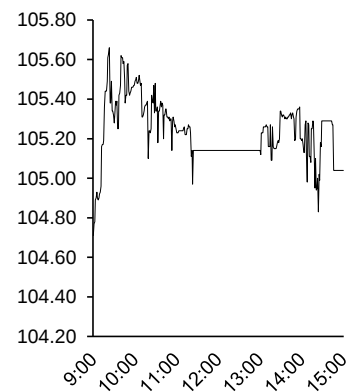
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	1.4%
Y tế	0.5%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.2%
Dịch vụ tài chính	0.2%
Dầu khí	0.2%
Ô tô và phụ tùng	0.1%
Công nghệ Thông tin	0.1%
Bất động sản	0.1%
Thực phẩm và đồ uống	0.0%
Viễn thông	0.0%
Ngân hàng	-0.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.1%
Xây dựng và Vật liệu	-0.1%
Truyền thông	-0.2%
Bán lẻ	-0.2%
Bảo hiểm	-0.4%
Hóa chất	-0.5%
Du lịch và Giải trí	-0.9%

Nguồn: FinPro

Phân tích kỹ thuật

FCN_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ trung tính, MACD đảo chiều tích cực.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: Cổ phiếu FCN đang hình thành xu hướng hồi phục. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên và đồng thuận với đà tăng của bước giá, cho thấy động lực tăng đang hình thành. Chỉ báo RSI duy trì xu hướng tăng giá tích cực trong khi chỉ báo MACD đang cho thấy tín hiệu đảo chiều. Đường giá cổ phiếu cũng đã chạm lại dải mây Ichimoku, báo hiệu xu hướng tăng trung hạn đang hình thành. Như vậy, FCN có thể tăng giá trở về vùng kháng cự 14-15 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Cập nhật KQKD

Kết quả kinh doanh Q2/2019: Doanh thu 715.5 tỷ (+29.9% YoY), LNST 121 tỷ (+184% YoY) (trong đó bao gồm LN bất thường 47 tỷ từ bán CP của Fecon ngầm cho Raito; 50 tỷ ghi nhận nốt từ chuyển nhượng 60% dự án Vĩnh Hảo 6 cho Acwa Power). Nếu loại LN khác thì LNST từ hoạt động core Q2/2019 ước khoảng 24 tỷ (-29.6% YoY), biên LN ròng từ hoạt động core 3.35% (so với cùng kỳ 6.19%). Lũy kế 1H2019, doanh thu 1,206 tỷ (+23.6% YoY), LNST 150.3 tỷ (+124.1% YoY).

Luận điểm đầu tư

Triển vọng kinh doanh 2019: (1) Tính đến thời điểm hiện tại, FCN có backlog khoảng 2,500 tỷ đồng, ký mới trong năm là 1,300 tỷ; trong đó có một số dự án lớn: Lọc hóa dầu Long Sơn (xử lý nền + hạ tầng: 220 tỷ); Metro line 3 HN (xử lý nền bằng jet grouting: 132 tỷ); Đường tỉnh nối Từ Sơn – TP Bắc Ninh (thi công đường: 142 tỷ).... Công ty dự kiến giá trị hợp đồng ký trong năm 2019 khoảng 4,600 tỷ tập trung ở mảng hạ tầng (25%), cung cấp và thi công cọc (23%), xử lý nền, cọc khoan nhồi và tường vây. (2) Dự án điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 (công suất 50MW) đã kết nối thành công với lưới điện quốc gia, dự kiến có thể vận hành thương mại từ 12-15/6/2019, đảm bảo được hưởng giá điện cao.

Chi tiết tham khảo BSC - iBroker: Express FCN 2019Q2

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

ANV_Hồi phục

[Link](#)

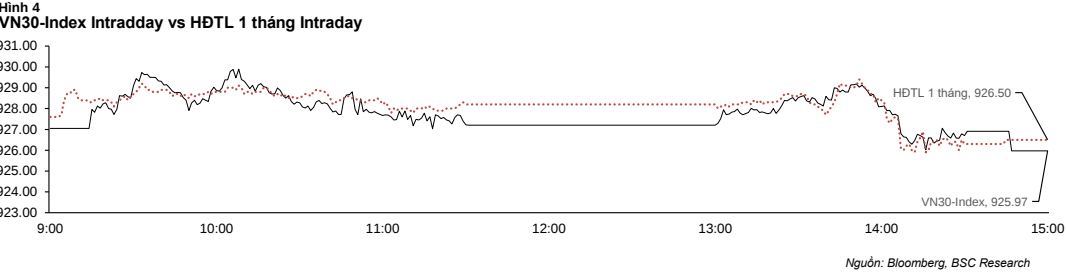
TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1911	926.50	0.06%	0.53	-3.3%	47232	11/21/2019	26
VN30F1912	925.50	-0.01%	-0.47	-34.1%	58	12/19/2019	54
VN30F2003	926.90	0.22%	0.93	65.2%	38	3/19/2020	145
VN30F2006	926.80	0.30%	0.83	516.7%	37	6/18/2020	236

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm nhẹ -1.08 điểm xuống mức 925.97 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như NVL, VNM, MBB, VJC, và VCB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm điểm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 vận động tăng tích cực ngay đầu phiên, liên tục kiểm tra ngưỡng 930 điểm, trước khi điều chỉnh giảm về cuối phiên. Sang phiên chiều, VN30 giảm mạnh sau khi tăng nhẹ vào đầu phiên, cuối phiên xuống dưới mốc tham chiếu. Thanh khoản tích cực và các chỉ báo động lượng cho thấy VN30 có thể tăng tích cực lên trên 930 điểm trong những phiên tới.
- Ngoại trừ VN30F1912, các hợp đồng tương lai đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1912, các hợp đồng khác đều giảm. Điều này báo hiệu việc điều chỉnh giảm trong trung hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 915 điểm cho các hợp đồng trung hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CMWG1907	HSC	4/8/2020	163	10:1	322,520	-29.3%	5.0 triệu	20.38%	1,900	2,250	7.14%	971.40	2.32
CFPT1903	SSI	12/30/2019	63	1:1	35,670	151.4%	2.0 triệu	20.07%	6,000	14,200	2.38%	13,334.60	1.06
CMBB1904	SSI	1/22/2020	86	1:1	54,300	-4.4%	2.0 triệu	16.86%	2,900	3,580	2.29%	1,631.80	2.19
CVHM1902	SSI	4/22/2020	177	1:1	17,060	76.6%	1.0 triệu	26.75%	18,600	15,880	2.06%	7,849.10	2.02
CMWG1906	MBS	12/16/2019	49	5:1	141,010	-19.7%	3.0 triệu	20.38%	2,850	2,850	1.79%	1,712.90	1.66
CMWG1904	SSI	12/30/2019	63	1:1	79,350	342.1%	1.0 triệu	20.38%	14,000	40,100	1.52%	38,334.90	1.05
CMWG1903	HSC	12/30/2019	63	5:1	81,000	-43.9%	2.0 triệu	20.38%	2,700	6,950	1.16%	6,665.40	1.04
CFPT1906	HSC	4/8/2020	163	5:1	164,260	-66.0%	5.0 triệu	20.07%	1,700	1,830	1.10%	865.90	2.11
CMWG1902	VND	12/11/2019	44	4:1	76,010	201.6%	2.4 triệu	20.38%	2,990	9,640	0.94%	9,528.50	1.01
CFPT1904	MBS	11/19/2019	22	3:1	55,420	-25.4%	3.0 triệu	20.07%	1,700	2,320	0.87%	2,086.10	1.11
CMBB1903	SSI	4/22/2020	177	1:1	35,750	174.8%	3.0 triệu	16.86%	4,000	4,180	-0.48%	2,071.10	2.02
CVNM1904	HSC	4/8/2020	163	10:1	57,120	24.1%	5.0 triệu	18.93%	1,900	2,030	-3.33%	860.60	2.36
CVJC1902	SSI	4/22/2020	177	1:1	23,710	17.1%	1.0 triệu	15.56%	27,900	32,730	-3.45%	18,750.60	1.75
CMBB1902	HSC	12/17/2019	50	1:1	158,200	-41.4%	1.0 triệu	16.86%	3,200	3,960	-4.58%	1,593.60	2.48
CVNM1901	KIS	12/13/2020	412	10:1	378,600	-61.9%	5.0 triệu	18.93%	1,200	570	-5.00%	2.20	259.09
CMBB1905	HSC	4/8/2020	163	2:1	150,560	12.1%	5.0 triệu	16.86%	1,700	1,700	-5.03%	686.50	2.48
CSTB1901	KIS	1/9/2020	73	1:1	103,360	2.6%	1.5 triệu	19.80%	1,390	1,420	-5.33%	415.40	3.42
CFPT1905	SSI	4/22/2020	177	1:1	25,310	132.6%	1.0 triệu	20.07%	9,900	10,300	-6.36%	5,762.20	1.79
CVNM1903	SSI	4/22/2020	177	1:1	44,310	-50.5%	1.0 triệu	18.93%	26,600	29,390	-10.94%	17,905.00	1.64
CREE1901	MBS	11/19/2019	22	3:1	72,060	-41.2%	3.0 triệu	23.21%	1,260	570	-14.93%	162.10	3.52
CVRE1901	KIS	11/14/2019	17	2:1	912,740	113.3%	2.5 triệu	26.00%	1,900	160	-27.27%	-	
Tổng:					4,132,200		103.2 triệu	21.31%**					
Chú thích:									CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất									Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%									Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				
**Trung bình độ lệch chuẩn													

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 28/10/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.
- Về giá, CVRE1901 và CREE1901 giảm mạnh nhất lần lượt là -27.27% và -14.93%. Ngược lại, CMWG1907 tăng mạnh nhất 7.14%. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ 1.36%. CVRE1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 22.09% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, MWG và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CMWG1904 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. FPT vận động tăng tích cực trong những phiên gần đây sau giai đoạn tích lũy quanh mức 57. Thanh khoản tăng đồng thuận với tín hiệu tăng ngắn hạn bởi các chỉ báo động lượng. Vận động tăng của FPT có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	22.20	1.83	0.92
VIC	117.70	0.43	0.29
SAB	257.50	0.59	0.15
EIB	16.60	0.61	0.15
VPB	22.05	0.23	0.12

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
NVL	59.2	-2.15	-0.67
VNM	133.8	-0.52	-0.49
MBB	23.0	-0.86	-0.38
VJC	145.0	-0.62	-0.34
VCB	87.4	-0.68	-0.25

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1907	144,000	125,000	127,600
CFPT1903	56,154	45,140	58,100
CMBB1904	24,900	22,000	23,000
CVHM1902	103,600	85,000	86,000
CMWG1906	135,150	120,900	127,600
CMWG1904	165,000	90,000	127,600
CMWG1903	25,800	95,000	127,600
CFPT1906	65,500	57,000	58,100
CMWG1902	48,130	90,000	127,600
CFPT1904	57,100	52,000	58,100
CMBB1903	26,000	22,000	23,000
CVNM1904	152,000	133,000	133,800
CVJC1902	157,900	130,000	145,000
CMBB1902	26,300	21,800	23,000
CVNM1901	46,340	156,285	133,800
CMBB1905	26,400	23,000	23,000
CSTB1901	12,278	10,888	10,850
CFPT1905	64,900	55,000	58,100
CVNM1903	146,600	120,000	133,800
CREE1901	41,330	37,550	36,600
CVRE1901	44,688	40,888	32,450

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	127.6	-0.2%	0.7	2,456	4.4	7,893	16.2	5.4	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	83.5	0.4%	1.0	808	1.6	4,839	17.3	4.5	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	71.0	-0.7%	1.3	2,164	0.7	1,505	47.2	3.2	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	32.5	0.3%	0.7	327	0.1	2,801	11.6	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	117.7	0.4%	1.1	17,122	1.4	1,643	71.6	4.8	15.1%	8.3%
VRE	Bất động sản	32.5	-0.3%	1.1	3,286	2.3	1,033	31.4	2.7	31.4%	8.8%
NVL	Bất động sản	59.2	-2.1%	0.8	2,395	1.2	3,579	16.5	2.7	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	36.6	-1.1%	1.0	493	1.0	5,261	7.0	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	16.1	1.9%	1.4	370	0.7	3,215	5.0	1.0	68.6%	25.9%
SSI	Chứng khoán	21.3	-0.2%	1.4	469	1.4	1,737	12.2	1.1	56.9%	10.9%
VCI	Chứng khoán	34.8	-0.3%	1.0	249	0.0	5,067	6.9	1.6	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.2	0.9%	1.5	308	1.0	1,287	18.0	1.6	56.2%	10.2%
FPT	Công nghệ	58.1	0.2%	0.8	1,713	3.8	4,349	13.4	3.0	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	102.9	0.4%	1.5	8,563	1.0	5,886	17.5	4.3	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	58.0	0.3%	1.5	3,003	0.4	3,350	17.3	3.4	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	18.6	-1.1%	1.7	387	1.2	2,397	7.8	0.7	22.3%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.7	-2.0%	0.8	1,308	0.3	1,163	8.3	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.5	1.4%	0.5	532	0.1	4,535	20.6	3.9	54.3%	19.4%
DPM	Hóa chất	14.0	-0.4%	0.7	238	0.1	650	21.6	0.7	19.1%	3.7%
DCM	Hóa chất	7.4	-0.1%	0.6	170	0.1	625	11.8	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	87.4	-0.7%	1.3	14,094	1.5	5,274	16.6	4.0	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	40.6	1.0%	1.5	6,035	1.4	2,109	19.2	2.5	3.4%	13.5%
CTG	Ngân hàng	22.0	0.0%	1.6	3,562	2.9	1,470	15.0	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	22.1	0.2%	1.2	2,355	1.3	3,341	6.6	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	23.0	-0.9%	1.1	2,326	2.1	3,261	7.1	1.4	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.7	0.4%	1.1	1,671	1.1	3,651	6.5	1.5	44.3%	25.9%
BMP	Nhựa	53.1	-0.2%	0.9	189	0.2	5,017	10.6	1.8	79.3%	17.1%
NTP	Nhựa	33.7	-0.3%	0.3	144	0.0	4,603	7.3	1.2	20.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	16.3	-1.2%	1.2	637	0.0	732	22.3	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.2	1.8%	1.0	2,665	7.0	2,760	8.0	1.4	37.5%	19.9%
HSG	Thép	7.3	0.7%	1.6	133	1.3	425	17.1	0.6	17.0%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	133.8	-0.5%	0.8	10,130	3.3	5,465	24.5	8.2	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	257.5	0.6%	0.8	7,180	0.2	7,365	35.0	9.2	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	74.5	-0.1%	1.2	3,786	1.6	3,304	22.6	2.8	40.2%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	19.0	1.6%	0.5	485	1.3	445	42.7	1.7	6.0%	3.9%
ACV	Vận tải	78.6	0.5%	0.8	7,440	0.2	2,630	29.9	5.6	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	145.0	-0.6%	1.1	3,302	2.0	9,850	14.7	5.6	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	35.1	-1.4%	1.7	2,164	0.4	1,747	20.1	2.7	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	27.0	-1.5%	0.8	349	0.5	1,888	14.3	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.1	2.1%	0.6	209	0.4	2,571	6.7	1.2	30.6%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	87.1	-1.6%	0.9	606	0.6	8,338	10.4	4.4	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.1	-1.0%	0.8	372	0.1	1,398	13.7	1.4	13.5%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.7	1.2%	0.8	277	0.1	1,912	8.7	1.1	6.1%	13.8%
CTD	Xây dựng	79.5	-3.0%	0.7	264	0.2	9,842	8.1	0.7	48.7%	9.3%
VCG	Xây dựng	26.6	0.0%	1.1	511	0.2	1,352	19.7	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	23.9	-0.2%	0.5	257	0.2	387	61.7	1.2	51.8%	1.9%
POW	Điện	13.1	-0.8%	0.6	1,334	1.1	820	16.0	1.3	14.2%	7.8%
NT2	Điện	23.2	0.0%	0.6	290	0.2	2,721	8.5	1.6	19.6%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	117.70	0.43	0.49	268360.00
BID	40.60	1.00	0.40	800080.00
HPG	22.20	1.83	0.33	7.28MLN
SAB	257.50	0.59	0.28	21110.00
GAS	102.90	0.39	0.23	217560.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.70	3.08	0.23	4.88MLN
ACB	23.70	0.42	0.17	1.09MLN
MBG	43.30	5.61	0.05	330100.00
CEO	9.50	2.15	0.03	377100.00
ART	2.40	9.09	0.02	1.85MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	87.40	-0.68	-0.66	383850.00
VNM	133.80	-0.52	-0.36	558360.00
NVL	59.20	-2.15	-0.36	457000.00
HVN	35.10	-1.40	-0.21	276140.00
VJC	145.00	-0.62	-0.14	311800.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PGS	31.90	-6.18	-0.07	1000.00
PVS	18.60	-1.06	-0.05	1.47MLN
VCS	87.10	-1.58	-0.05	151900.00
SHN	8.70	-2.25	-0.03	300.00
NET	30.00	-7.69	-0.02	7000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BTT	36.70	7.00	0.01	100.00
VDP	33.70	6.98	0.01	2150.00
PGD	42.30	6.95	0.07	260.00
SVT	8.02	6.93	0.00	30.00
HVG	4.17	6.92	0.02	4.63MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	135200.00
NHP	0.50	25.0	0.00	73900.00
SIC	9.90	10.0	0.01	300.00
VTs	26.80	9.8	0.00	100.00
ALT	11.40	9.6	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TTB	20.65	-6.98	-0.02	254780.00
AGF	3.08	-6.95	0.00	32650.00
RIC	6.16	-6.95	0.00	600.00
HAX	19.10	-6.83	-0.02	722990.00
DXV	3.30	-6.78	0.00	4330.00

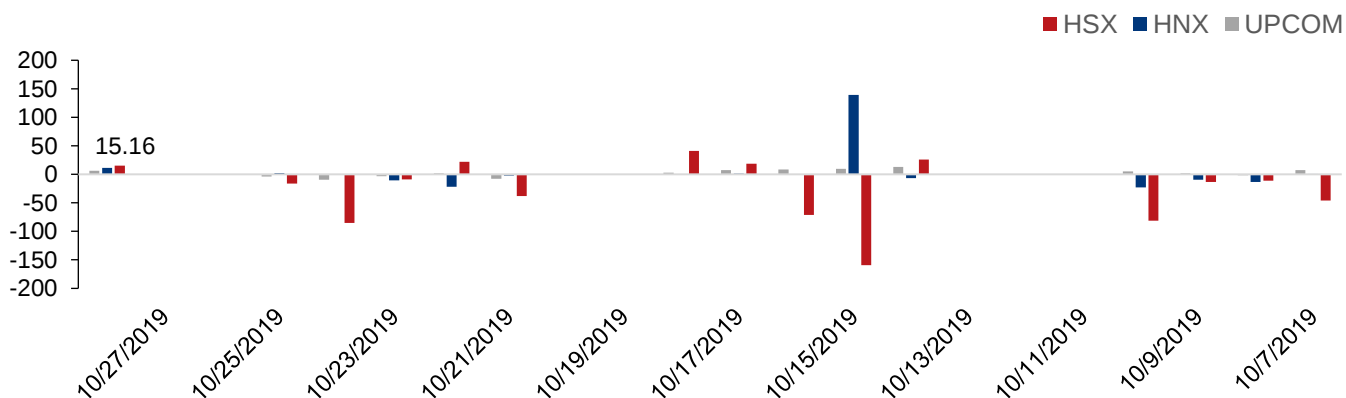
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DNY	2.70	-10.00	0.00	600.00
LDP	24.10	-9.74	0.00	200.00
KST	14.40	-9.43	0.00	100.00
KHS	11.80	-9.23	-0.01	1300.00
CLH	14.90	-9.15	-0.01	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
9	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
10	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
11	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
16	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	19.4	2,582	7.5	0.9	Click
2	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.3	3,678	10.4	0.7	Click
3	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	74.5	3,304	22.6	2.8	Click
4	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	133.8	5,465	24.5	8.2	Click
5	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.3	2,887	7.7	1.5	Click
6	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	36.6	5,261	7.0	1.2	Click
7	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	81.3	14,958	5.4	1.6	Click
8	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.2	2,076	3.9	0.5	Click
9	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.7	3,651	6.5	1.5	Click
10	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	14.2	1,098	12.9	1.2	Click
11	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	87.4	5,274	16.6	4.0	Click
12	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.8	1,723	13.8	1.8	Click
13	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	23.0	3,261	7.1	1.4	Click
14	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	53.2	2,801	19.0	3.1	Click
15	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	27.0	1,888	14.3	1.3	Click
16	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	27.1	3,391	8.0	1.9	Click
17	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	58.1	4,349	13.4	3.0	Click
18	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	14.3	649	22.0	1.3	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	127.6	7,893	16.2	5.4	Click
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	8/9/2019	84.8	97.2	83.5	4,839	17.3	4.5	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express FPT 2019Q4	3/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 73500; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đã hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm sẽ đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa có nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.
Express CTI 2019Q4	2/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 24650 Về định hướng 3 năm tới Phát triển khu công nghiệp (1 cụm vs 1 khu KCN): (1) Cách ghi nhận: đều từng năm (2) 1 cụm 48 ha ở Tân An Vinh Cầu để #ây dựng cho thuê. Giá cho thuê quanh đó: 55 USD/50 năm. (3) 1 khu 640 ha (đang trình thủ tướng thành 750 ha): mới hoàn thành 14 ha. Năm 2020 đột biến về DT: (1) Ghi nhận doanh thu BOT 319 Nhơn Trạch (2) Ghi nhận dự án Bất động sản Khu dân cư (Lợi nhuận 30%). CTI phụ trách thi công hạ tầng, giao đất, hiện đang tìm đối tác phân phối độc quyền. DT dự kiến ghi nhận là 1,300 tỷ. (3) Dự kiến ghi nhận Nhà ở xã hội: đã bán và đóng thuế tạm tính nhưng chưa ghi nhận doanh thu (330 tỷ - 2 block).
Express CSV 2019Q4	30/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 23450 Kết quả kinh doanh Q3.2019 (1) DT Q3 337 tỷ LNTT 74 tỷ (2) Dự kiến LNTT kế hoạch 2020 250 bil (3) Hoàn thành dự án thay thế điện phân và duy trì được sản lượng ổn định và tăng công suất 10 – 15%. Về giá bán các sản phẩm giá bán vẫn cạnh tranh với xút nhập khẩu (1) Giá xút nhập khẩu giảm do dư cung ở thị trường thế giới với mức 12,253,000 VND/tấn với xút 100%. (2) Giá Axit clo 2,354,000 vnd/tấn +16% YoY. (3) Các sản phẩm khác giá bán duy trì, không thấp hơn so với 2018
Express VHC 2019Q4	27/9/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 79500 Về hoạt động kinh doanh Q4.2019: (1) Giá bán của các thị trường bình ổn như Q3. (2) Hợp đồng ký trong Q4 đã hoàn tất và dự kiến sản lượng ký bán tăng khá nhiều (mùa tiêu thụ như VHC kỳ vọng). (3) Số T7 + T8 giảm (chứ ko tăng như kỳ vọng trước của công ty) do việc đẩy sản lượng Trung Quốc để bù phần của Mỹ không được như kỳ vọng (do văn hóa khác nhau). (4) Các hợp đồng ký cho năm 2020 đang được thương thảo: giá kỳ vọng ổn định
Express ANV 2019Q4	25/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 26200 Về KQKD 9T: (1) Lũy kế 9T, DT đạt 3,105 tỷ (+13.5% YoY), LNTT đạt 594 tỷ (+71.2% YoY). Trong đó, riêng Q3 đạt 1,130 tỷ (+7.4% YoY) và LNTT đạt 185 tỷ (+40% YoY). Như vậy, công ty đã hoàn thành tương ứng 66% KH DT và 72% KH LNTT. (2) Biên LNG mở rộng do (1) tăng tự chủ mảng thức ăn; (2) chi phí đầu vào giảm. Về công suất hoạt động (1) Công suất cá giống: 20,000 cặp cá bố mẹ, tạo ra hơn 20 tỷ con giống/năm. Công ty đang tự chủ 30% nhu cầu con giống, dự kiến tăng lên 70% năm 2020 và 100% năm 2021. (2) Diện tích vùng nuôi: 250ha (+600ha vùng nuôi Bình Phú) -> sản lượng cung cấp tối đa là 320,000 tấn/năm. (3) Công suất nhà máy: Đang hoạt động 400 tấn/1,200 tấn/ngày

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn